MỤC LỤC

Chương 8. Typography cơ bản.....5
8.1 Giải phẫu chữ.....6
8.2 Phân loại kiểu chữ.....8
8.3 Phối chữ.....12
8.4 Sắp chữ để dễ đọc.....14
8.5 Chữ trên màn hình và trong hình ảnh động.....19
8.6 Chữ Việt: lịch sử và bản sắc.....23

DANH MỤC HÌNH VẼ

Hình 8.1 Giải phẫu chữ: đường cơ sở, chiều cao chữ thường, chiều cao chữ hoa, phần vươn lên, phần thò xuống, và các bộ phận chân chữ, nét, lòng chữ.....6
Hình 8.2 Chữ Việt nhiều tầng dấu: dấu chồng vươn cao hơn chữ hoa; dấu nặng chui xuống dưới đường cơ sở.....7
Hình 8.3 Sáu nhóm kiểu chữ, mỗi nhóm một mẫu chữ Việt. Mẫu chân vát là DejaVu Serif Bold, chỉ gần đúng vì máy vẽ hình không có font chân vát đủ dấu Việt. 9
Hình 8.4 Sáu độ đậm của một họ chữ (Segoe UI) kèm số độ đậm CSS; phía dưới là thanh trượt minh họa font biến đổi.....10
Hình 8.5 Kiểm tra font có đủ tiếng Việt: cùng một câu mẫu, sáu font (kết quả trên máy Windows 11 của tác giả). Times New Roman, Segoe UI và Cambria đủ; Georgia, Rockwell và Segoe Script thiếu nhiều ký tự.....11
Hình 8.6 Ba cách phối chữ: serif cho tiêu đề cộng sans cho nội dung (tốt); một họ nhiều độ đậm (tốt); ba họ và nhiều cỡ (chưa tốt).....12
Hình 8.7 Thang cỡ chữ theo hệ số 1,25 từ cỡ gốc 16 px (chú thích, nội dung, H3, H2, H1, tiêu đề lớn) và so sánh với hệ số 1,333. Cỡ vẽ đúng tỷ lệ 1 px = 0,75 pt. 14
Hình 8.8 Khoảng cách dòng chật (1,0), vừa (1,3) và rộng (1,6) lần cỡ chữ trên một đoạn tiếng Việt nhiều dấu.....15
Hình 8.9 Độ dài dòng: 25 ký tự (quá ngắn), 66 ký tự (vừa) và 110 ký tự (quá dài). Các thanh xám mô phỏng dòng chữ theo tỷ lệ số ký tự.....16
Hình 8.10 Tracking trên chữ in hoa (−4%, 0, +8%) và kerning (tắt, bật) trên các cặp AV, To, Wa, Yo.....17
Hình 8.11 Căn trái (lề phải lởm chởm) so với căn đều hai bên không ngắt từ: các ô hồng đánh dấu khoảng trắng giữa các từ lớn bất thường.....18
Hình 8.12 Phụ đề trên cùng một khung 16:9: đúng chuẩn (hai dòng, sans đậm, nền mờ, trong vùng an toàn) và chưa tốt (ba dòng dài, serif mảnh, không nền, sát mép). Nét trắng đứt là vùng an toàn khoảng 90%.....19
Hình 8.13 Chữ trên ảnh nền: cùng một nền và chữ trắng; không xử lý (chữ chìm vào chi tiết nền), lớp phủ tối, làm mờ nền sau chữ, và khối nền đặc. Cách thứ tư, chọn vùng trống, được mô tả trong bài.....21
Hình 8.14 Chữ chuyển động: ba chuyển động trên chuỗi năm khung hình, ứng với ba từ "nổ tung", "rơi", "thì thầm". Cỡ, vị trí, khoảng cách chữ và độ mờ thay đổi theo thời gian.....22
Hình 8.15 Hệ thống chữ cho một ứng dụng giả định: H1, H2, nội dung, H3, chú thích và nút, với cỡ, độ đậm và khoảng cách dòng ghi bên phải. Khung điện thoại vẽ thu nhỏ 70%.....23
Hình 8.16 Dòng thời gian chữ viết của người Việt: chữ Hán, chữ Nôm, từ điển của Alexandre de Rhodes (1651), Gia Định báo (1865), bỏ thi chữ Hán (1915–1919), Bình dân học vụ (1945).....24

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 8.1 Sáu nhóm kiểu chữ.....8
Bảng 8.2 Thông số sắp chữ gợi ý theo loại sản phẩm.....18
Bảng 8.3 Một số con số tham khảo cho phụ đề.....20
Bảng 8.4 Thuật ngữ chính của chương 8.....29

CHƯƠNG 8
TYPOGRAPHY CƠ BẢN

Bạn thiết kế xong tấm poster cho một buổi triển lãm. Tiêu đề là "Những người ở lại", dòng phụ ghi tên họa sĩ "Nguyễn Thị Ngữ". Trên máy bạn mọi thứ đẹp. Gửi file cho nhà in, bạn nhận lại bản thử: chữ "ờ" biến thành ô vuông, chữ "ữ" bị lệch dấu, dòng chữ nhỏ ở cuối thì dấu của dòng trên đâm vào chữ của dòng dưới. Bạn không đổi gì về hình, chỉ đổi font và máy hiển thị, nhưng sản phẩm đã khác hẳn.

Chữ là yếu tố xuất hiện trong hầu hết sản phẩm đa phương tiện: tiêu đề phim, phụ đề, giao diện ứng dụng, poster, đồ họa chuyển động. Ở những chương trước, bạn đã học nhìn hình, bố cục và màu. Chương này dạy phần còn lại của việc "nhìn": **chữ cũng là hình**, và cũng cần được chọn, phối và sắp xếp có chủ ý. Với chúng ta còn một lý do nữa để học kỹ: tiếng Việt có **dấu**, nhiều khi chồng hai tầng lên nhau. Nhiều quy tắc typography trong sách nước ngoài được viết cho chữ Latin không dấu, và nếu áp nguyên xi, chữ Việt sẽ chật, rối, hoặc thiếu ký tự.

Chương này đi từ cấu tạo của một chữ cái, qua các nhóm kiểu chữ và cách phối chúng, đến các thông số làm chữ dễ đọc (cỡ, khoảng cách dòng, độ dài dòng, khoảng cách chữ), rồi áp vào ba môi trường quen thuộc của người làm đa phương tiện: phụ đề, ảnh nền và giao diện. Cuối chương là một mục ngắn về chữ viết của người Việt, để bạn thấy chữ mình đang gõ mỗi ngày có một lịch sử và một bản sắc đáng để thiết kế cùng.

Mục tiêu

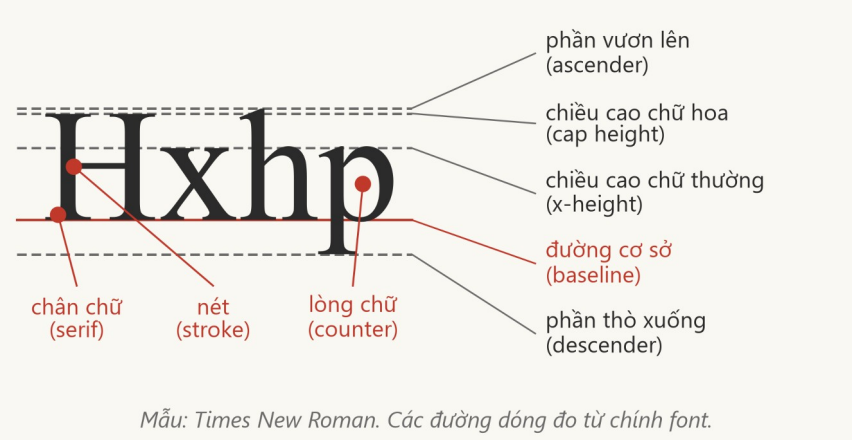
Sau chương này, bạn làm được những việc sau:

- Phân loại được các nhóm kiểu chữ và gọi tên các bộ phận của chữ.
- Phối tối đa hai họ chữ thành một hệ thống chữ có thứ bậc, dựa trên thang cỡ chữ.
- Chỉnh cỡ chữ, khoảng cách dòng, độ dài dòng và khoảng cách chữ để dễ đọc trên in và màn hình.
- Kiểm tra một font có hỗ trợ tiếng Việt đầy đủ và đẹp hay không, trước khi dùng.
- Xử lý chữ trên video và ảnh nền: phụ đề, tiêu đề, chữ chuyển động.

8.1 Giải phẫu chữ

8.1.1 Các bộ phận của một chữ cái

Để nói chuyện với đồng nghiệp về chữ, bạn cần gọi được tên các phần của nó. Hình 8.1 đánh dấu những phần quan trọng nhất trên bốn chữ cái mẫu.



Hình 8.1. Giải phẫu chữ: đường cơ sở, chiều cao chữ thường, chiều cao chữ hoa, phần vươn lên, phần thò xuống, và các bộ phận chân chữ, nét, lòng chữ.

Nguồn: Tác giả. Chữ mẫu: Times New Roman; các đường dóng đo từ chính font.

- **Đường cơ sở** (baseline): đường thẳng mà các chữ "đứng" lên. Mắt người đọc trượt dọc theo đường này, nên mọi thứ khác đều được tính từ nó.
- **Chiều cao chữ thường** (x-height): chiều cao của các chữ thường không có phần vươn hay thò, như x, a, e. Đây là thông số **quan trọng nhất** để so sánh hai font. Hai font cùng cỡ 16 px nhưng x-height khác nhau sẽ trông to nhỏ khác nhau; font có x-height lớn thường dễ đọc hơn ở cỡ nhỏ.
- **Chiều cao chữ hoa** (cap height): chiều cao của chữ hoa như H, E.
- **Phần vươn lên** (ascender): phần của chữ thường vượt lên trên x-height, như thân của h, b, d, k, l.
- **Phần thò xuống** (descender): phần của chữ thường chui xuống dưới đường cơ sở, như p, g, q, y.
- **Chân chữ** (serif): nét nhỏ ở đầu các nét chính của font có chân.
- **Nét** (stroke): các đường tạo nên chữ; nét đứng, nét ngang, nét cong.
- **Lòng chữ** (counter): phần trống bên trong hoặc nửa kín của chữ, như bên trong o, p, e. Lòng chữ quá nhỏ làm chữ dễ bị "tịt" khi thu nhỏ hoặc in trên nền tối.

> **Ghi nhớ:** khi so sánh hai font, đừng chỉ so tên hay cỡ chữ (pt, px). Hãy đặt cạnh nhau cùng một đoạn văn và nhìn x-height, độ rộng của chữ và lòng chữ. Cùng cỡ chữ không có nghĩa cùng kích thước thật của chữ nhìn thấy.

8.1.2 Chữ Việt: dấu thanh và dấu mũ

Chữ Quốc ngữ dùng bộ chữ cái Latin, thêm các **dấu phụ** để ghi nguyên âm (ă, â, ê, ô, ơ, ư và chữ đ) và **dấu thanh** để ghi thanh điệu (sắc, huyền, hỏi,

ngã, nặng). Một chữ có thể mang cả dấu phụ lẫn dấu thanh, ví dụ **ế**, **ệ**, **ữ**, **ặ**: dấu mũ và dấu thanh chồng nhau.

Với người thiết kế, điều này tạo ra một hệ quả đo được. Hình 8.2 xếp các chữ hoa E, Ê, Ế, Ệ, Ẵ cạnh nhau: dấu chồng ở phía trên vươn cao hơn chiều cao chữ hoa, còn dấu nặng ở phía dưới chui xuống dưới đường cơ sở. Chữ Latin thuần không có hai khoảng "thừa" này.



Hình 8.2. Chữ Việt nhiều tầng dấu: dấu chồng vươn cao hơn chữ hoa; dấu nặng chui xuống dưới đường cơ sở.

Nguồn: Tác giả. Chữ mẫu: Times New Roman; các đường dóng đo từ chính font.

Từ đó rút ra ba việc thực tế:

1. **Khoảng cách dòng cho tiếng Việt cần rộng hơn** chữ Latin cùng cỡ. Nếu khoảng cách dòng quá chật, dấu của dòng dưới chạm đáy chữ của dòng trên (xem Hình 8.8 ở mục 8.4).
2. **Hộp chứa chữ không được cắt.** Trong giao diện và phần mềm đồ họa chuyển động, nếu hộp văn bản có chiều cao cố định bằng đúng cỡ chữ, dấu ở đầu chữ hoa có thể bị cắt mất. Hãy chừa khoảng trên và dưới cho dấu.
3. **Dấu phải đúng vị trí, không dính, không lệch.** Mỗi font tự quyết định cách đặt dấu chồng; font tốt cho tiếng Việt chọn vị trí dấu riêng cho từng tổ hợp (ví dụ dấu sắc đặt về bên phải dấu mũ, dấu huyền về bên trái) để hai dấu không đè nhau. Font vẽ cho chữ Latin rồi "gắn thêm" dấu thường cho kết quả lệch.

8.1.3 Hai chuyện nhỏ nhưng hay gây lỗi

Ký tự ghép sẵn và ký tự tổ hợp. Trong Unicode, một chữ như "ế" có thể được lưu bằng một mã duy nhất (ký tự ghép sẵn) hoặc bằng chữ "e" cộng các dấu kết hợp (ký tự tổ hợp). Hai cách nhìn giống nhau trên màn hình, nhưng máy tìm kiếm, phần mềm sắp chữ hoặc font kém có thể xử lý khác nhau: chữ hiển thị đúng ở nơi này và vỡ ở nơi khác. Khi gặp chữ Việt bị rời dấu, hãy thử dán lại đoạn văn ở dạng ghép sẵn. Trước khi Unicode phổ biến, tiếng Việt từng dùng nhiều bảng mã khác (như TCVN3, VNI); văn bản cũ có thể còn các bảng mã đó, và đây là lý do thỉnh thoảng bạn thấy chữ hiện thành ký hiệu lạ.

Kiểu đặt dấu thanh. Có hai cách đặt dấu thanh: kiểu cũ, như "hòa", "thủy", và kiểu mới, như "hoà", "thuỷ". Cả hai đều đang được dùng; sự khác biệt

chỉ nằm ở vị trí dấu trong các vần oa, oe, uy. Sách này dùng kiểu cũ. Với người dàn trang, điều quan trọng là **thống nhất một kiểu trong cả sản phẩm**: nếu bạn trộn lẫn, chức năng tìm kiếm trong phần mềm sẽ coi "hòa" và "hoà" là hai từ khác nhau, và người đọc tinh ý sẽ thấy lộn xộn.

> **Lỗi thường gặp:** chọn font chỉ vì đẹp ở dòng tiêu đề tiếng Anh, rồi để font "tự thay" khi gặp chữ Việt. Khi font thiếu ký tự, phần mềm âm thầm lấy một font khác để điền vào, và dòng chữ có hai kiểu chữ lẫn lộn. Hãy kiểm tra font bằng câu mẫu nhiều dấu trước khi bắt đầu (mục 8.2.3).

8.2 Phân loại kiểu chữ

8.2.1 Sáu nhóm chính

Hàng nghìn font được xếp vào vài nhóm chính theo hình dáng nét. Đây là cách phân loại hữu ích trong thực hành, dù mỗi nhà nghiên cứu có thể chia chi tiết hơn.

Bảng 8.1. Sáu nhóm kiểu chữ

Nhóm	Đặc điểm	Cảm giác, dùng cho
Có chân (serif): Garamond, Times, Playfair	Nét có chân, thanh đậm	Cổ điển, văn học, sách, tiêu đề sang trọng
Không chân (sans serif): Helvetica, Inter, Roboto, Be Vietnam Pro	Nét đơn, không chân	Hiện đại, giao diện, biển báo
Chân vát (slab serif): Rockwell, Roboto Slab	Chân dày, vuông	Mạnh mẽ, báo chí, phong cách công nghiệp
Viết tay, thư pháp (script)	Mô phỏng bút viết	Thiệp, thương hiệu thủ công; chỉ dùng cho chữ ngắn
Trang trí (display)	Cá tính mạnh	Tiêu đề phim, poster; không dùng cho đoạn văn
Đơn cách (monospace)	Mọi ký tự rộng bằng nhau	Mã lập trình, phong cách kỹ thuật

Hình 8.3 cho thấy sáu nhóm bằng một chữ Việt mẫu. Hai điều nên nhìn kỹ. Thứ nhất, cùng một cụm "Nghệ thuật", mỗi nhóm cho một **giọng nói** khác: font có chân trang trọng, font không chân thẳng thắn, font display ồn ào, font script cá nhân. Thứ hai, ở nhóm viết tay, mẫu chỉ có "Cà phê đá" chứ không phải một câu khác, vì font script trên máy dùng để vẽ hình này thiếu nhiều chữ Việt có dấu; đây là gợi ý cho mục 8.2.3.



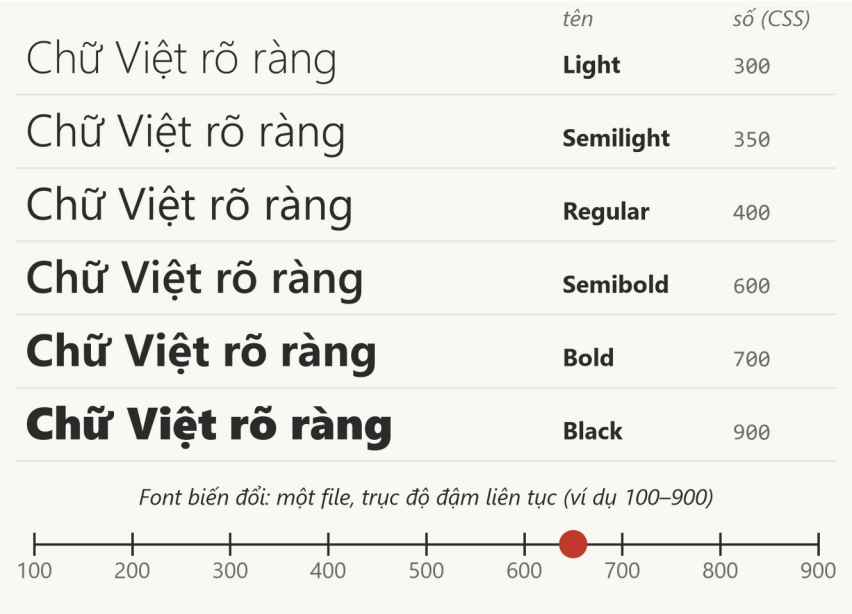
Hình 8.3. Sáu nhóm kiểu chữ, mỗi nhóm một mẫu chữ Việt. Mẫu chân vát là DejaVu Serif Bold, chỉ gần đúng vì máy vẽ hình không có font chân vát đủ dấu Việt.

Nguồn: Tác giả. Font: Times New Roman, Segoe UI, DejaVu Serif Bold, Segoe Script, Segoe UI Black, Consolas.

Có chân hay không chân, cái nào dễ đọc hơn? Đây là câu hỏi cũ và chưa có câu trả lời một chiều. Trong in ấn truyền thống, font có chân thường được dùng cho đoạn văn dài; trên màn hình, font không chân phổ biến hơn vì dễ đọc ở cỡ nhỏ khi độ phân giải thấp. Với màn hình hiện đại, cả hai đều đọc tốt khi chọn đúng cỡ và khoảng cách dòng. Vì vậy hãy chọn theo **giọng nói của sản phẩm** và theo **điều kiện hiển thị**, chứ không theo một quy tắc cứng.

8.2.2 Họ chữ, độ đậm và font biến đổi

Một **họ chữ** (font family) là bộ các font cùng thiết kế, thường có nhiều biến thể: chữ thường, chữ nghiêng, chữ đậm. Mỗi biến thể gọi là một **kiểu** (style); độ dày của nét gọi là **độ đậm** (weight), thường được đánh số từ 100 (rất mảnh) đến 900 (rất đậm): 300 là Light, 400 Regular, 600 Semibold, 700 Bold, 900 Black.



Hình 8.4. Sáu độ đậm của một họ chữ (Segoe UI) kèm số độ đậm CSS; phía dưới là thanh trượt minh họa font biến đổi.

Nguồn: Tác giả. Chữ mẫu: Segoe UI các độ đậm Light, Semilight, Regular, Semibold, Bold, Black.

Một họ có nhiều độ đậm là "kho" rất tiện cho thiết kế: bạn tạo thứ bậc (tiêu đề đậm, nội dung thường, chú thích nhạt) mà không cần thêm font thứ hai. Còn **font biến đổi** (variable font) là một dạng file font mới, trong đó **một file chứa toàn bộ dải độ đậm** (và đôi khi cả độ rộng, độ nghiêng); bạn kéo một thanh trượt thay vì chọn một trong vài mức cố định. Font biến đổi hữu ích cho web (một file thay cho nhiều file nên tải nhanh hơn) và cho chuyển động (độ đậm thay đổi mượt theo thời gian).

8.2.3 Kiểm tra font có đủ tiếng Việt

Đây là phần thực tế nhất của mục 8.2. Một font nằm trong danh sách trên máy bạn **không có nghĩa** là nó hỗ trợ đủ tiếng Việt. Hình 8.5 vẽ cùng một câu mẫu nhiều dấu, "Người ở đừng về, ứ hự ỷ ễ ặ", bằng sáu font trên máy dùng để làm sách này. Các ô vuông là chỗ font không có chữ. Phần "thiếu bao nhiêu ký tự" được máy đếm trực tiếp từ bảng ký tự của font.



Hình 8.5. Kiểm tra font có đủ tiếng Việt: cùng một câu mẫu, sáu font (kết quả trên máy Windows 11 của tác giả). Times New Roman, Segoe UI và Cambria đủ; Georgia, Rockwell và Segoe Script thiếu nhiều ký tự.

Nguồn: Tác giả. Kết quả phụ thuộc phiên bản font cài trên từng máy.

Kết quả khá bất ngờ: những font rất quen như Georgia hay Rockwell lại không đủ chữ Việt trên máy này. Với font kiểu script, thiếu ký tự càng phổ biến vì chúng thường được vẽ cho một ít ngôn ngữ. Điều rút ra là **luôn tự kiểm tra**, không suy đoán theo danh tiếng của font.

Một quy trình kiểm tra nhanh:

1. Gõ câu mẫu chứa đủ các nhóm dấu: "Người ở đừng về, ứ hự ỷ ễ ặ". Câu này có ơ, ư, đ, ừ, ự, ỷ, ễ, ặ và nhiều tổ hợp dấu.
2. Gõ thêm một dòng **chữ hoa có dấu**: "ẤN TƯỢNG, ỔN ĐỊNH, ỨNG DỤNG". Chữ hoa là chỗ dấu chồng dễ lệch nhất.
3. Nhìn từng chữ phóng to: dấu có đúng vị trí không, có đè lên nhau không, có dính chân chữ không.
4. Đặt ở cỡ nhỏ thật (ví dụ 12 px) để xem dấu còn rõ không.
5. Xem thử với khoảng cách dòng 1,4 và 1,6 để biết font cần bao nhiêu khoảng dọc.

> **Thử ngay (3 phút):** mở phần mềm thiết kế bạn quen dùng, gõ câu mẫu trên bằng ba font bạn hay chọn. Font nào đẹp ở dòng Latin nhưng lỗi ở dòng tiếng Việt? Ghi tên font đó vào một danh sách "không dùng cho sản phẩm tiếng Việt".

8.2.4 Nguồn font và giấy phép

Một font cũng là một sản phẩm có tác giả và có giấy phép. Có hai điều cần nhớ:

- **Google Fonts** là kho font miễn phí lớn, cho phép lọc theo bộ ký tự "Vietnamese". Theo trang hỏi đáp của Google Fonts, các font ở đó miễn phí và dùng được cho mục đích thương mại, theo giấy phép của từng font; giấy phép phổ biến nhất là SIL Open Font License. Trong kho có nhiều họ chữ vẽ riêng cho tiếng Việt, trong đó có Be Vietnam Pro (không chân, hiện đại).
- **Font cài sẵn trong hệ điều hành** (như các font Windows dùng để vẽ hình chương này) thường kèm giấy phép riêng: dùng để soạn thảo thì được, nhưng nhúng vào sản phẩm phân phối hoặc gửi file font cho khách thì cần đọc kỹ điều khoản. Với sản phẩm thương mại, hãy ghi lại nguồn và giấy phép của mọi font trong dự án, như bạn ghi nguồn ảnh.

> **Ghi nhớ:** quy tắc làm việc: **chọn font từ nguồn có giấy phép rõ ràng, lọc đủ bộ ký tự Việt, kiểm tra bằng câu mẫu nhiều dấu, rồi mới thiết kế.** Làm theo thứ tự này sẽ tránh được việc phải thay font khi sản phẩm đã gần xong.

8.3 Phối chữ

8.3.1 Quy tắc hai họ chữ

Người mới học thường hưng phấn trước kho font và dùng quá nhiều: một font cho tiêu đề, một cho phụ đề, một cho nội dung, một cho nhấn mạnh. Kết quả là trang trông như "cắt dán". Quy tắc thực hành an toàn là **tối đa hai họ chữ** trong một sản phẩm, và **tạo khác biệt bằng cỡ chữ và độ đậm trước khi thêm font mới**.

Hình 8.6 so sánh ba cách. Hai cột bên trái dùng hai họ hoặc một họ, cột bên phải dùng ba họ với nhiều cỡ: mắt không biết nhìn vào đâu trước.



Hình 8.6. Ba cách phối chữ: serif cho tiêu đề cộng sans cho nội dung (tốt); một họ nhiều độ đậm (tốt); ba họ và nhiều cỡ (chưa tốt).

Nguồn: Tác giả. Font: Cambria, Segoe UI, Segoe UI Black, Times New Roman, Courier New.

Hai cách phối an toàn:

1. **Serif cho tiêu đề, sans cho nội dung** (hoặc ngược lại): hai kiểu cho hai chức năng khác hẳn nhau, nên không bị nhầm lẫn. Điều kiện là hai họ có x-height gần nhau và không quá "cá tính" cạnh tranh.
2. **Một họ, nhiều độ đậm**: tiêu đề Black hoặc Bold, nội dung Regular, chú thích Light hoặc Regular nhỏ hơn. Cách này gần như không thể sai và đặc biệt hợp với giao diện.

Khi phối hai họ khác nhóm, hãy nhìn x-height và độ rộng chữ: nếu chữ nội dung của họ thứ hai trông nhỏ hơn hẳn họ thứ nhất ở cùng cỡ, hãy tăng cỡ của họ thứ hai một chút cho cân. Và hãy kiểm tra **cả hai họ** có đủ tiếng Việt.

> **Lỗi thường gặp:** dùng font display cá tính (kiểu viết tay, kiểu chữ nổi) cho cả đoạn văn. Font trang trí và script dùng cho chữ ngắn; đoạn văn cần một font "trung tính" để người đọc chú ý vào nội dung, không vào hình dáng chữ.

8.3.2 Thang cỡ chữ

Khi đã có họ chữ, bạn cần **các cỡ** nào? Thay vì chọn tuỳ hứng (13, 17, 22, 29...), người thiết kế dùng **thang cỡ chữ** (type scale): các cỡ sinh ra từ một cỡ gốc nhân dần với một **hệ số** cố định. Các cỡ theo cấp số nhân tạo nhịp điệu thị giác đều đặn, giống bước thang âm nhạc.

Hai hệ số hay dùng là 1,25 (tên âm nhạc: quãng ba thứ) và 1,333 (quãng bốn đúng). Với cỡ gốc 16 px:

- hệ số 1,25: 16 → 20 → 25 → 31 → 39 px;
- hệ số 1,333: 16 → 21 → 28 → 38 → 51 px.

Hệ số nhỏ cho bước nhảy nhẹ, hợp với giao diện dày thông tin; hệ số lớn cho tương phản mạnh giữa tiêu đề và nội dung, hợp với biên tập, poster. Bạn cũng có thể đi xuống: chia cho 1,25 từ 16 được 12,8 px, dùng cho chú thích.



Hình 8.7. Thang cỡ chữ theo hệ số 1,25 từ cỡ gốc 16 px (chú thích, nội dung, H3, H2, H1, tiêu đề lớn) và so sánh với hệ số 1,333. Cỡ vẽ đúng tỷ lệ 1 px = 0,75 pt.

Nguồn: Tác giả. Chữ mẫu: Segoe UI.

Một điều cần biết về đơn vị: trong CSS, **1 px bằng 0,75 pt** (vì 1 inch tương đương 96 px và 72 pt), nên chữ 16 px bằng 12 pt. Đơn vị pt hay gặp trong phần mềm in ấn, px trong thiết kế giao diện. Đừng nhầm hai đơn vị khi chuyển sản phẩm từ in sang màn hình.

Cần lưu ý rằng **thang cỡ chỉ là công cụ**, không phải luật. Material Design của Google, ví dụ, không sinh các cỡ bằng một hệ số mà công bố một bộ 15 kiểu chữ cố định chia thành năm nhóm (display, headline, title, body, label), mỗi nhóm có ba cỡ. Dù dùng thang tự sinh hay bộ cố định, nguyên tắc chung là: **dùng ít cỡ, dùng nhất quán, và ghi lại** thành một hệ thống.

8.3.3 Thứ bậc chữ

Với một thang cỡ và một hai họ chữ, bạn đặt tên **các cấp chữ**: tiêu đề cấp 1 (H1), cấp 2 (H2), cấp 3 (H3), nội dung, chú thích, nhãn nút... Mỗi cấp có cỡ, độ đậm, khoảng cách dòng và màu riêng. Hệ thống này làm hai việc: người đọc hiểu cấu trúc nội dung chỉ qua một cái nhìn (nheo mắt vẫn thấy tiêu đề nào lớn hơn), và nhóm làm sản phẩm có "ngôn ngữ chung" để tránh mỗi người một kiểu. Mục 8.5 cho một ví dụ trên giao diện (Hình 8.15).

8.4 Sắp chữ để dễ đọc

Chọn đúng font mới được nửa việc. Nửa còn lại là cách bạn **sắp** chữ: cỡ bao nhiêu, dòng cách nhau bao xa, mỗi dòng dài bao nhiêu, chữ cách nhau thế nào. Những thông số này nghe tẻ nhạt, nhưng chúng quyết định người đọc đọc thoải mái hay bỏ cuộc sau vài dòng.

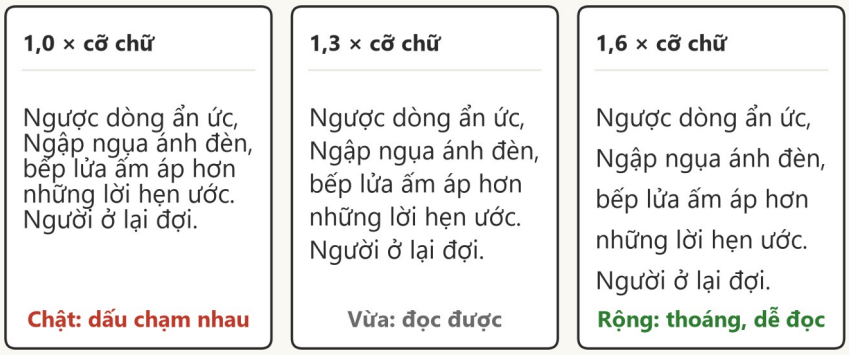
8.4.1 Cỡ chữ

Nội dung chính trên web nên từ khoảng **16 px** trở lên. Trên điện thoại, chữ nhỏ hơn thường làm người đọc phải phóng to. Trong ấn phẩm, văn bản thường dùng khoảng **9–12 pt**. Chú thích và nhãn có thể nhỏ hơn nhưng không nên dưới khoảng 12 px trên màn hình. Cỡ chữ còn phụ thuộc x-height của font: font x-height lớn có thể dùng cỡ nhỏ hơn một chút.

8.4.2 Khoảng cách dòng (leading)

Khoảng cách dòng (leading, hay line-height trong CSS) là khoảng cách giữa các đường cơ sở của hai dòng liên tiếp, thường ghi như một tỷ lệ của cỡ chữ. Với đoạn văn, khoảng **1,4–1,6 lần cỡ chữ** là vùng phổ biến. Tiêu đề lớn, ít dòng, có thể chật hơn (khoảng 1,1–1,3).

Chữ Việt nên nghiêng về phía **rộng** của vùng này. Hình 8.8 dàn cùng một đoạn tiếng Việt nhiều dấu ở ba khoảng cách dòng. Ở 1,0 lần cỡ chữ, dấu của dòng dưới chạm sát đáy dòng trên và cả đoạn trông "rậm"; ở 1,3 đã đọc được; ở 1,6 dấu có chỗ thở và đoạn văn nhẹ hơn.



Hình 8.8. Khoảng cách dòng chật (1,0), vừa (1,3) và rộng (1,6) lần cỡ chữ trên một đoạn tiếng Việt nhiều dấu.

Nguồn: Tác giả. Chữ mẫu: Segoe UI 9,5 pt.

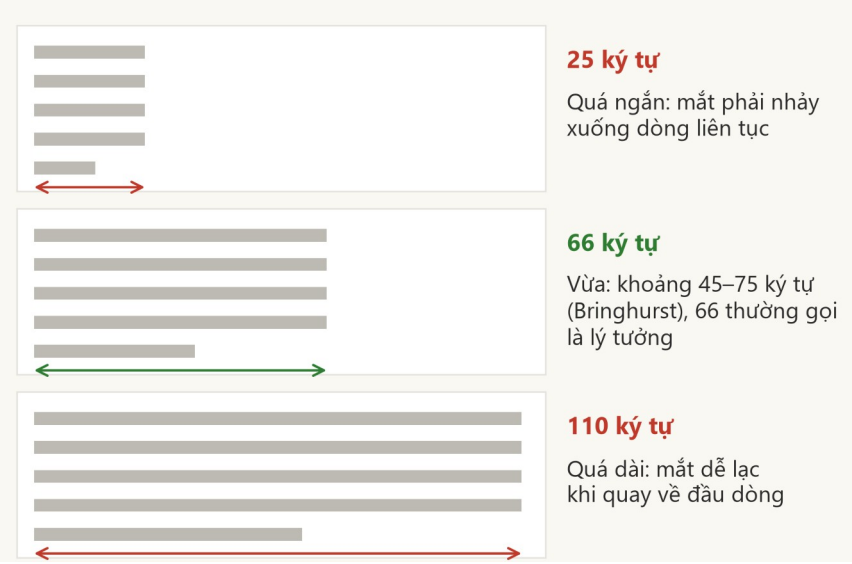
Một mốc kỹ thuật cho thiết kế web và ứng dụng: tiêu chí 1.4.12 (Text Spacing) của WCAG 2.1, mức AA, yêu cầu nội dung vẫn không vỡ khi người dùng tự đặt khoảng cách dòng bằng 1,5 lần cỡ chữ, khoảng cách đoạn 2 lần, khoảng cách chữ 0,12 lần và khoảng cách từ 0,16 lần cỡ chữ. Đây là bài kiểm tra "khả năng chịu đựng" của giao diện, chứ không phải giá trị bạn phải thiết kế theo; nhưng nó nhắc rằng hộp văn bản cần co giãn được.

> **Lỗi thường gặp:** đặt khoảng cách dòng bằng đơn vị cố định (ví dụ 18 px) rồi đổi cỡ chữ mà quên đổi khoảng cách dòng, hoặc đặt chiều cao hộp văn bản cố định. Trong CSS, nên dùng giá trị không đơn vị (ví dụ 1,5) và để hộp tự giãn theo nội dung.

8.4.3 Độ dài dòng

Độ dài dòng (measure) là số ký tự trên một dòng. Dòng quá ngắn làm mắt phải nhảy xuống dòng liên tục, câu bị cắt vụn; dòng quá dài làm mắt khó tìm lại đầu dòng tiếp theo. Robert Bringhurst, trong *The Elements of Typographic Style*, cho khoảng **45–75 ký tự** là dễ chịu với văn bản một cột, và nhiều người coi 66

ký tự là mức "lý tưởng", dù con số 66 là quy ước của giới thực hành hơn là kết quả nghiên cứu thực nghiệm. Về phía màn hình, tiêu chí 1.4.8 của WCAG (mức AAA) đặt trần 80 ký tự một dòng.



Hình 8.9. Độ dài dòng: 25 ký tự (quá ngắn), 66 ký tự (vừa) và 110 ký tự (quá dài). Các thanh xám mô phỏng dòng chữ theo tỷ lệ số ký tự.

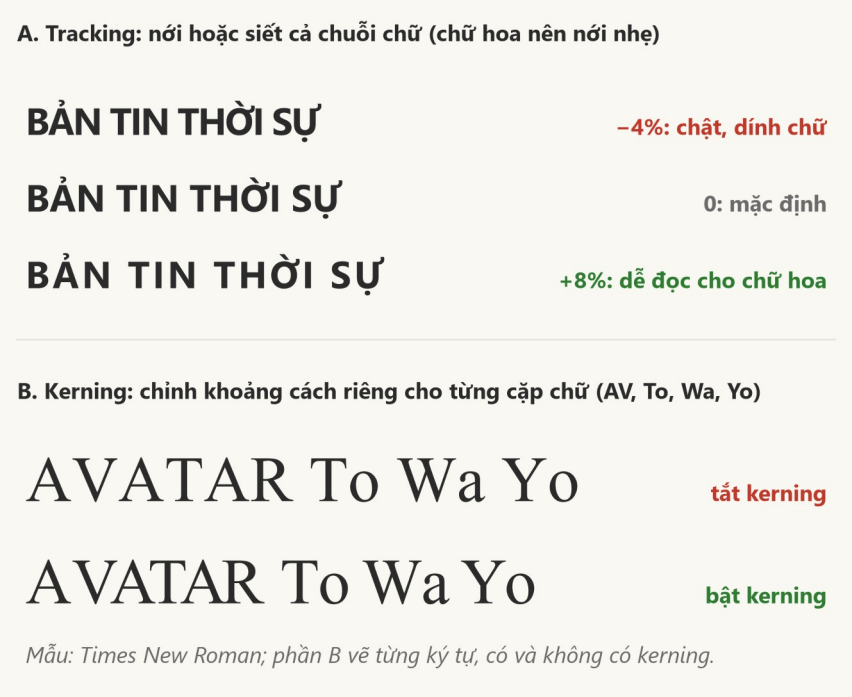
Nguồn: Tác giả. Các thanh xám vẽ theo tỷ lệ số ký tự.

Cách điều chỉnh độ dài dòng trên thiết kế: giới hạn **chiều rộng của cột chữ** (trong CSS dùng max-width đơn vị ch hoặc em), thay vì để chữ chạy hết bề ngang màn hình lớn. Trên điện thoại, dòng thường ngắn tự nhiên; vấn đề lại hay gặp trên màn hình rộng và slide.

8.4.4 Khoảng cách giữa các chữ: tracking và kerning

Hai thuật ngữ này hay bị lẫn:

- **Tracking** (còn gọi letterspacing) là khoảng cách đều giữa **tất cả** các chữ trong một chuỗi; bạn chỉnh cho cả dòng hay cả đoạn.
- **Kerning** là chỉnh khoảng cách giữa **một cặp chữ cụ thể**, ví dụ cặp AV, To, Wa, Yo. Những cặp có hình dạng "lõm" vào nhau (A cạnh V) nhìn hở hơn thực tế nếu để khoảng cách mặc định, nên font có sẵn bảng kerning để kéo chúng lại gần nhau.



Hình 8.10. Tracking trên chữ in hoa (−4%, 0, +8%) và kerning (tắt, bật) trên các cặp AV, To, Wa, Yo.

Nguồn: Tác giả. Phần B vẽ từng ký tự rời và có bảng kerning của font Times New Roman bật hoặc tắt.

Quy tắc thực hành:

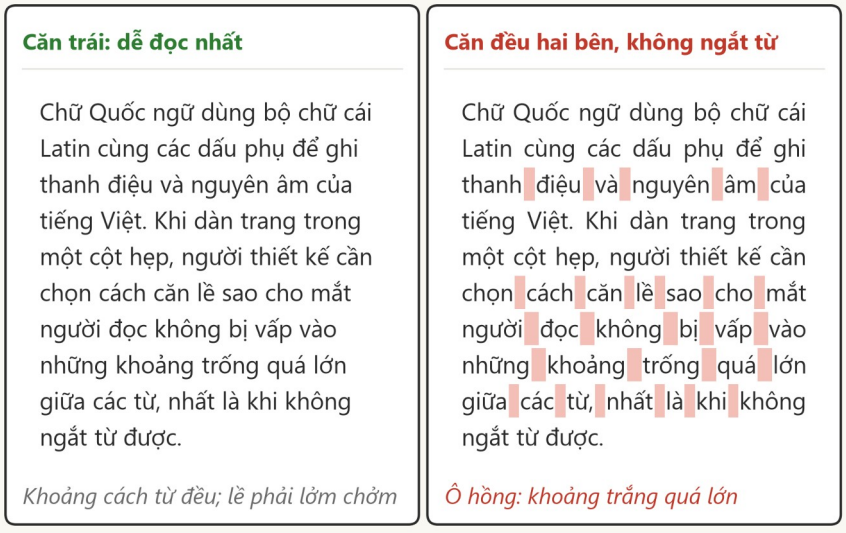
- **Luôn bật kerning** (hầu hết phần mềm bật sẵn).
- **Chữ in hoa nên được nới tracking nhẹ.** Chữ hoa vốn được vẽ để đứng cạnh chữ thường, nên khi đứng cạnh nhau cả dòng chúng trông chật. Matthew Butterick, trong *Practical Typography*, khuyên thêm khoảng 5–12% letterspacing cho chữ in hoa và chữ hoa nhỏ.
- **Không kéo giãn hoặc ép chữ** bằng cách co giãn khung chữ (scale ngang hoặc dọc). Việc đó làm méo nét: nét đứng và nét ngang có độ dày khác nhau, mất cân đối mà mắt người xem tinh ý nhận ra ngay.
- Chữ rất nhỏ nên **nới tracking một chút**; chữ rất lớn (tiêu đề) có thể **siết** nhẹ.

8.4.5 Căn lề

Có bốn cách căn: căn trái, căn phải, căn giữa và căn đều hai bên. Với đoạn văn tiếng Việt:

- **Căn trái** (lề phải lởm chởm) dễ đọc nhất vì khoảng cách giữa các từ luôn đều, và mắt tìm đầu dòng bằng một đường thẳng cố định.
- **Căn đều hai bên** cho khối chữ vuông vức, nhưng nếu không ngắt từ tốt thì dòng nào ít từ sẽ có những khoảng trắng lớn, và các khoảng trắng này có thể chồng lên nhau tạo thành "dòng sông trắng" chạy dọc trang (Hình 8.11). Tiếng Việt có nhiều từ đơn âm tiết nên ít được ngắt từ bằng dấu gạch nối; khoảng trắng vì thế càng dễ lớn trong cột hẹp.
- **Căn giữa** hợp với dòng ngắn: tiêu đề, trích dẫn, thiệp mời. Không dùng cho đoạn văn dài vì mỗi dòng bắt đầu một chỗ khác nhau.

- **Căn phải** hiếm dùng; hợp với nhãn đặt cạnh hình.



Hình 8.11. Căn trái (lề phải lởm chởm) so với căn đều hai bên không ngắt từ: các ô hồng đánh dấu khoảng trắng giữa các từ lớn bất thường.

Nguồn: Tác giả. Chữ mẫu: Segoe UI 9 pt; ô hồng là các khoảng trắng lớn hơn 1,8 lần khoảng trắng chuẩn.

8.4.6 Tổng hợp thông số

Bảng 8.2 gom các thông số gợi ý thành một điểm xuất phát. Đó là con số tham khảo; luôn kiểm tra lại bằng mắt với chính font và nội dung của bạn.

Bảng 8.2. Thông số sắp chữ gợi ý theo loại sản phẩm

Loại sản phẩm	Cỡ chữ nội dung	Khoảng cách dòng	Độ dài dòng
Trang web, ứng dụng	từ khoảng 16 px	1,4–1,6 lần cỡ chữ	khoảng 45–75 ký tự
Ấn phẩm (sách, báo cáo)	khoảng 9–12 pt	1,3–1,5 lần cỡ chữ	khoảng 45–75 ký tự
Tiêu đề lớn	theo thang cỡ	khoảng 1,1–1,3 lần	vài từ mỗi dòng
Phụ đề video	đủ lớn đọc ở khoảng cách xem	tối đa 2 dòng	khoảng 37–42 ký tự

Cột "phụ đề" được giải thích ở mục 8.5.

Lỗi thường gặp: ba lỗi hay thấy ở người mới học. (1) **Dòng mồ côi**: một từ đơn lẻ nằm trơ trọi ở cuối đoạn hoặc đầu trang; chỉnh bằng cách đổi độ rộng cột hoặc viết lại câu. (2) **Kéo giãn chữ** bằng cách co giãn khung. (3) **Bóng đổ và viền chữ quá tay** để "nổi" trên nền: chữ nên nổi nhờ tương phản (mục 8.5.2), không nhờ hiệu ứng.

8.5 Chữ trên màn hình và trong hình ảnh động

8.5.1 Phụ đề

Phụ đề (subtitle, caption) là chữ hiện theo lời thoại hoặc âm thanh, giúp người xem nghe kém, xem ở nơi ồn hoặc xem phim ngoại ngữ. Là chữ nhưng nó phục vụ hình ảnh, nên nguyên tắc cốt lõi là **dễ đọc nhanh và không che hình**. Các hướng dẫn của đài truyền hình và dịch vụ phát trực tuyến có thể khác nhau về con số, nhưng đồng ý về tinh thần:

- **Font sans đơn giản, đậm vừa**, chữ sáng trên nền tối hoặc có viền nhẹ; tránh serif mảnh và chữ có nét quá nhỏ.
- **Tối đa hai dòng**, mỗi dòng ngắn; ngắt dòng theo nhịp câu nói, không ngắt giữa cụm từ.
- **Nằm trong vùng an toàn** để không bị cắt trên các thiết bị khác nhau.
- **Thời gian đủ để đọc**: hiện đủ lâu, không nhanh quá tốc độ đọc.

Về vùng an toàn: khuyến nghị EBU R 95 cho truyền hình 16:9 chia vùng an toàn hành động là khoảng 93% bề rộng và bề cao khung, và vùng an toàn đồ họa (nơi nên đặt chữ) khoảng 90%. Trên video mạng xã hội, giao diện của ứng dụng (nút, tên tài khoản, thanh tiến trình) che các mép khung, và mỗi nền tảng che một khác; hãy kiểm tra bằng mẫu "vùng an toàn" của chính nền tảng đó trước khi xuất.



Hình 8.12. Phụ đề trên cùng một khung 16:9: đúng chuẩn (hai dòng, sans đậm, nền mờ, trong vùng an toàn) và chưa tốt (ba dòng dài, serif mảnh, không nền, sát mép). Nét trắng đứt là vùng an toàn khoảng 90%.

Nguồn: Tác giả. Cảnh nền vẽ bằng code; có thể thay bằng ảnh thật.

Bảng 8.3 gom các con số tìm được từ hướng dẫn công khai; hãy kiểm tra lại với tài liệu hiện hành của nơi bạn giao sản phẩm, vì các nhà phát hành cập nhật quy định theo thời gian.

Bảng 8.3. Một số con số tham khảo cho phụ đề

Nguồn	Nội dung	Ghi chú
Netflix, hướng dẫn phụ đề tiếng Việt	Tối đa 42 ký tự mỗi dòng; tốc độ đọc khoảng 17 ký tự mỗi giây (người lớn), 13 ký tự mỗi giây (trẻ em)	Trang hướng dẫn đã lâu chưa cập nhật; cần xem bản hiện hành
BBC, qua tài liệu của Ofcom (tiếng Anh)	Khoảng 160–180 từ mỗi phút với chương trình ghi sẵn; khoảng 37 ký tự mỗi dòng	Từ nguồn thứ cấp; là tiếng Anh nên chỉ để so sánh
EBU R 95 (16:9)	Vùng an toàn hành động khoảng 93%; vùng an toàn đồ họa khoảng 90%	Từ nguồn thứ cấp, chưa đọc nguyên văn

Số "ký tự mỗi giây" và "từ mỗi phút" đo hai thứ khác nhau, nên đừng so trực tiếp hai cột. Điều đáng nhớ là **phụ đề tiếng Việt thường cần nhiều ký tự hơn tiếng Anh cho cùng một ý** (vì nhiều âm tiết rời), nên người dịch thường phải rút gọn lời thoại cho vừa dòng và vừa thời gian đọc.

8.5.2 Chữ trên ảnh nền

Chữ đặt lên một ảnh gặp vấn đề lớn nhất: **tương phản không ổn định**. Nền có chỗ sáng chỗ tối, chỗ phẳng chỗ nhiều chi tiết; chữ có thể đọc rõ ở một góc và chìm ở góc kia. Nguyên tắc là áp dụng những gì bạn đã học ở chương 5: tỷ lệ tương phản giữa chữ và nền phải đạt mức đọc được (chữ thường cần khoảng 4,5:1 theo WCAG mức AA). Bốn cách phổ biến để bảo đảm điều đó:

1. **Lớp phủ tối** (hoặc sáng) lên toàn bộ ảnh hoặc dải ảnh đằng sau chữ: nhanh, hiệu quả, nhưng làm ảnh tối đi.
2. **Chọn vùng trống** của ảnh để đặt chữ, như bầu trời, tường, mặt nước: tốt nhất về mặt thẩm mỹ, vì ảnh được giữ nguyên, nhưng đòi hỏi bố cục ảnh có chỗ trống (nên tính từ khi chụp hoặc dựng).
3. **Làm mờ nền** ngay phía sau chữ: giữ được màu ảnh mà xóa chi tiết tranh chấp với chữ.
4. **Khối nền đặc** (hộp màu, dải màu) đặt sau chữ: chắc chắn nhất, nhưng phá bớt tính "tự nhiên" của ảnh và dễ tạo cảm giác "dán nhãn".



Hình 8.13. Chữ trên ảnh nền: cùng một nền và chữ trắng; không xử lý (chữ chìm vào chi tiết nền), lớp phủ tối, làm mờ nền sau chữ, và khối nền đặc. Cách thứ tư, chọn vùng trống, được mô tả trong bài.

Nguồn: Tác giả. Nền vẽ bằng code (nhiễu mịn); có thể thay bằng ảnh thật.

Hình 8.13 minh họa ba trong bốn cách, so với trường hợp không xử lý. Cách chọn vùng trống không vẽ được trên một nền nhiễu đều; bạn sẽ thử nó ở bài 8.4.

> **Thử ngay (2 phút):** chụp màn hình một poster hay bìa video có chữ đè lên ảnh. Nheo mắt hoặc chuyển sang ảnh xám. Chữ nào còn đọc được? Nếu chữ chìm, hãy thử thêm lớp phủ tối 30–40% và xem điều gì thay đổi.

8.5.3 Tiêu đề phim và credit

Trong phim, **chữ là một phần nhận diện của tác phẩm**. Tiêu đề phim, các dòng credit, thậm chí bảng chỉ đường trong cảnh đều là quyết định thiết kế. Saul Bass là cái tên cần biết: ông thiết kế tiêu đề cho nhiều phim như *The Man with the Golden Arm* (1955), *Vertigo* (1958), *Anatomy of a Murder* (1959) và *Psycho* (1960), cùng nhiều dự án khác. Trang Art of the Title ghi nhận ông tạo ra một kiểu chữ chuyển động mới cho các phim của Hitchcock. Vợ ông, Elaine Bass, từ năm 1955 cùng ông thực hiện nhiều tiêu đề.

Học gì từ các tiêu đề này? Không phải sao chép phong cách, mà là **tư duy**: chữ chuyển động và đồ họa của tiêu đề báo trước giọng điệu bộ phim ngay từ những giây đầu. Một tiêu đề phim kinh dị dùng chữ sắc, nhịp gấp; một phim tình cảm dùng chữ mảnh, chuyển chậm. Khi thiết kế tiêu đề cho phim ngắn (bài 8.4), hãy bắt đầu từ câu hỏi: **chữ này nói giọng gì?**

Một thực tế cho người làm phim Việt: khi tiêu đề có tiếng Việt, hãy kiểm tra từng dấu trong từng khung hình chuyển động, vì phần mềm đồ họa chuyển động đôi khi cắt dấu khi chữ được co giãn hoặc xoay.

8.5.4 Chữ chuyển động

Chữ chuyển động (kinetic typography) là chữ thay đổi vị trí, cỡ, độ đậm, màu, khoảng cách theo thời gian, thường theo nhịp lời nói hoặc âm nhạc. Hình 8.14 phác ba chuyển động ứng với ba từ của bài 8.1: **nổ tung** (phóng to nhanh rồi mờ dần), **rơi** (từng chữ rơi lệch nhịp rồi nằm yên) và **thì thầm** (chữ nhỏ, giãn dần, mờ dần).



Hình 8.14. Chữ chuyển động: ba chuyển động trên chuỗi năm khung hình, ứng với ba từ "nổ tung", "rơi", "thì thầm". Cỡ, vị trí, khoảng cách chữ và độ mờ thay đổi theo thời gian.

Nguồn: Tác giả. Chữ mẫu: Segoe UI.

Vài lưu ý khi làm chữ chuyển động cho tiếng Việt:

- Dùng **thời gian đủ để đọc**: một dòng chữ cần được nhìn rõ trong thời lượng đủ để đọc, cộng thêm một khoảng nhỏ; chữ chuyển quá nhanh chỉ đẹp mà không truyền được thông tin.
- Chuyển động nên **gắn với nghĩa hoặc nhịp**: chữ "rơi" nên rơi, chữ "nổ" nên bật mạnh. Chuyển động không có lý do chỉ gây phân tán.
- Kiểm tra dấu ở mọi khung hình, nhất là khi chữ xoay hoặc co giãn.

Chuyển động của chữ sẽ được nói thêm ở chương 10 (Hình ảnh động).

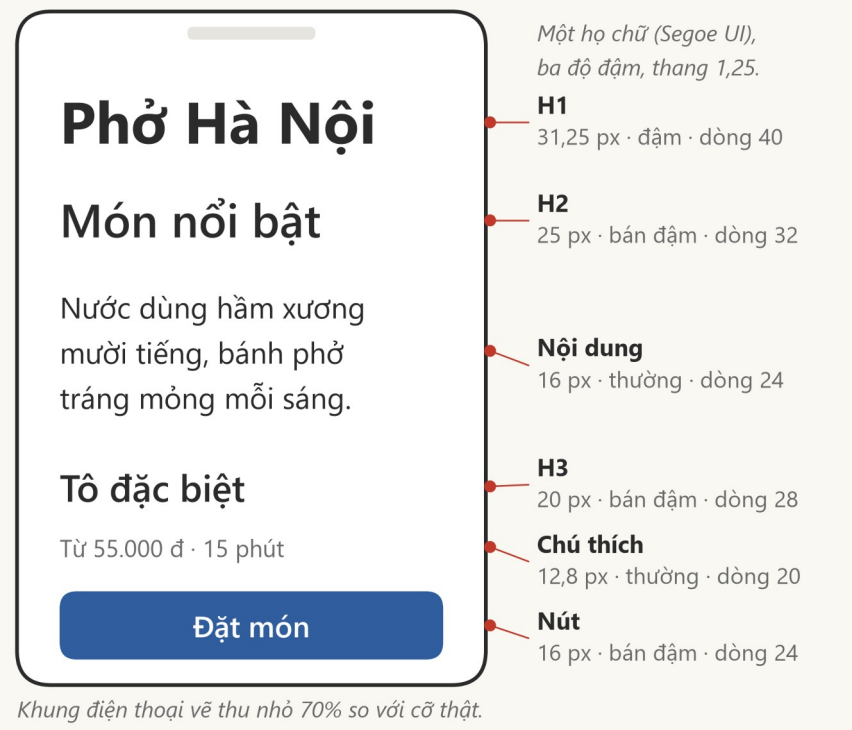
8.5.5 Chữ trong giao diện

Chữ trong giao diện phục vụ người dùng thực hiện việc, nên ngoài đẹp còn phải **co giãn được** cho người có nhu cầu khác nhau. Có mấy điểm chính:

- **Đơn vị tương đối.** Trong web, dùng đơn vị như rem (tương đối so với cỡ chữ gốc của trang, mặc định thường 16 px) thay vì px cố định, để cỡ chữ theo cài đặt của người dùng. Trên Android, đơn vị tương ứng là sp (scale-independent pixels); trên iOS có tính năng Dynamic Type cho phép người dùng chọn cỡ chữ hệ thống.

- **Phóng to được.** Tiêu chí 1.4.4 (Resize Text, mức AA) của WCAG yêu cầu chữ phóng to đến 200% mà không mất nội dung hay chức năng. Thiết kế phải tính trước: nút không bị cắt chữ, hộp không tràn.
- **Thứ bậc rõ, ít cấp.** Một hệ thống chữ gọn: H1, H2, H3, nội dung, chú thích, nút; mỗi cấp gắn với một giá trị trong thang cỡ.

Hình 8.15 là hệ thống chữ cho một ứng dụng giả định, vẽ trên khung điện thoại thu nhỏ: chữ nội dung 16 px, thang 1,25, một họ chữ với ba độ đậm.



Hình 8.15. Hệ thống chữ cho một ứng dụng giả định: H1, H2, nội dung, H3, chú thích và nút, với cỡ, độ đậm và khoảng cách dòng ghi bên phải. Khung điện thoại vẽ thu nhỏ 70%.

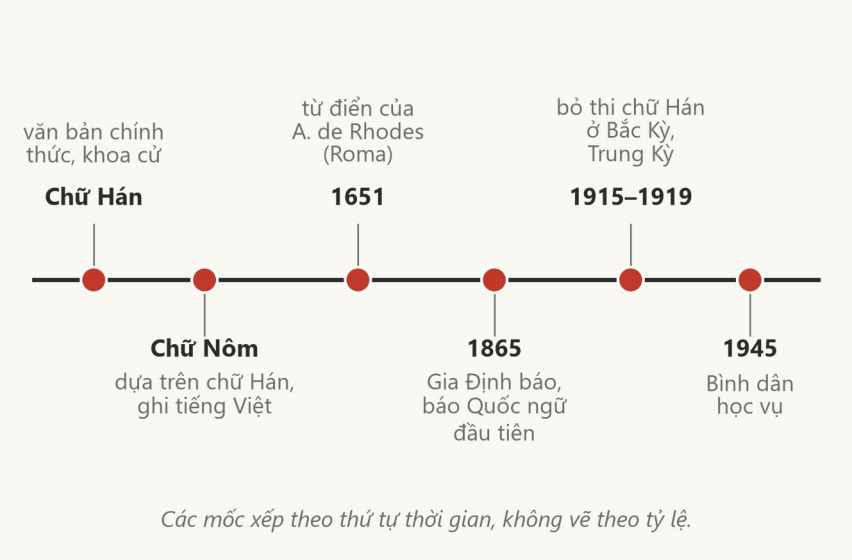
Nguồn: Tác giả. Chữ mẫu: Segoe UI các độ đậm Regular, Semibold, Bold.

Trên màn hình: trong Figma, tạo các **kiểu chữ** (text styles) đặt tên rõ ràng: "H1 / 31 / Bold", "Body / 16 / Regular". Khi đổi thang cỡ, bạn chỉ sửa ở kiểu chữ thay vì sửa từng ô chữ. Nhóm làm việc chung sẽ dễ thống nhất hơn rất nhiều.

Ghi nhớ: chữ là hệ thống, không phải từng dòng riêng lẻ. Một họ chữ, một thang cỡ, vài độ đậm, vài cỡ khoảng cách dòng. Hệ thống rõ ràng khiến sản phẩm trông chuyên nghiệp và giúp người đọc nhanh hiểu.

8.6 Chữ Việt: lịch sử và bản sắc

Chữ bạn đang đọc có một lịch sử không dài so với lịch sử của dân tộc, nhưng đầy biến động. Hình 8.16 xếp một vài mốc theo thứ tự thời gian (không vẽ theo tỷ lệ).



Hình 8.16. Dòng thời gian chữ viết của người Việt: chữ Hán, chữ Nôm, từ điển của Alexandre de Rhodes (1651), Gia Định báo (1865), bỏ thi chữ Hán (1915–1919), Bình dân học vụ (1945).

Nguồn: Tác giả, tổng hợp từ các tài liệu tham khảo của chương. Các mốc không vẽ theo tỷ lệ thời gian.

8.6.1 Chữ Hán, chữ Nôm và hoành phi câu đối

Trong nhiều thế kỷ, văn bản chính thức và khoa cử ở Việt Nam dùng **chữ Hán**. Song song đó là **chữ Nôm**, hệ chữ dùng chữ Hán làm chất liệu để ghi tiếng Việt, từng được dùng trong thơ văn (như *Truyện Kiều*). Ngày nay chữ Hán và chữ Nôm còn hiện diện nhiều nhất trên **bia đá**, **hoành phi** và **câu đối** ở đình, chùa, đền, nhà thờ họ. Hoành phi thường chỉ gồm ba đến bốn chữ lớn, viết theo các lối chữ chân, chữ thảo hoặc chữ triện, đặt ngang phía trên cửa hoặc bàn thờ; câu đối là hai vế đối nhau treo hai bên. Nhiều bản trong số đó phai mờ hoặc khó đọc với người ngày nay, nên việc phiên âm và chú giải vẫn rất cần.

Với người thiết kế, đây là kho **hình dạng chữ** phong phú: nét bút lông, bố cục dọc, khoảng trắng, chữ khắc trên gỗ và đá. Nhưng hãy cẩn thận: dùng chữ Hán Nôm làm trang trí mà không hiểu nghĩa là rủi ro, vì chữ có thể sai nghĩa, ngược chiều hoặc không hợp ngữ cảnh. Hãy nhờ người biết chữ kiểm tra.

8.6.2 Chữ Quốc ngữ và sự phổ biến qua báo chí

Chữ Quốc ngữ ghi tiếng Việt bằng chữ cái Latin. Theo các nguồn lịch sử, bộ chữ này được các giáo sĩ dòng Tên Bồ Đào Nha và các nước khác xây dựng từ đầu thế kỷ 17; nhiều người nhắc đến Francisco de Pina như một trong những người đặt nền móng ban đầu, và Alexandre de Rhodes là người in cuốn từ điển Việt – Bồ – La (*Dictionarium Annamiticum Lusitanum et Latinum*) ở Roma năm 1651. Cuốn từ điển dựa trên công của nhiều giáo sĩ khác, nên công lao của chữ Quốc ngữ không nên gán cho riêng một người.

Chữ Quốc ngữ chỉ thành chữ của số đông nhờ **báo chí và giáo dục** từ nửa sau thế kỷ 19 đến đầu thế kỷ 20. *Gia Định báo*, ra ngày 15/4/1865, thường được coi là tờ báo bằng chữ Quốc ngữ đầu tiên. Đầu thế kỷ 20, các tờ báo và tạp chí

như *Nam Phong* (1917, Phạm Quỳnh làm chủ bút) đưa chữ Quốc ngữ vào đời sống trí thức. Việc dùng chữ Hán trong thi cử cũng dần chấm dứt: kỳ thi Hương cuối cùng ở Bắc Kỳ năm 1915, ở Trung Kỳ năm 1918, và khoa thi Hội cuối cùng năm 1919. Sau Cách mạng tháng Tám, ngày 8/9/1945, chính phủ lâm thời ký các sắc lệnh về Bình dân học vụ, mở chiến dịch xóa nạn mù chữ bằng chữ Quốc ngữ.

Sự "phổ thông hóa" này cũng là câu chuyện của **công nghệ in**: chữ Việt có dấu đòi hỏi nhà in có chữ rời cho từng chữ có dấu, và từ đó đến ngày nay, mỗi thế hệ công nghệ (máy chữ, chữ chì, máy tính, Unicode, font số) đều phải giải lại bài toán dấu. Điều này cho thấy typography tiếng Việt là một lĩnh vực **đang tiếp tục phát triển**.

8.6.3 Chữ trên phố và chữ thư pháp hiện đại

Nhìn quanh, bạn sẽ thấy chữ Việt ở khắp nơi: **biển hiệu** cửa hàng, quán ăn, hiệu thuốc cũ ở Hà Nội và Sài Gòn; **tranh cổ động** với chữ vẽ tay đậm, to; **bao bì** sản phẩm địa phương; và **thư pháp** chữ Quốc ngữ viết bằng bút lông, hiện đang phổ biến vào các dịp Tết. Mỗi loại có lối chữ riêng, thể hiện thời đại và nơi chốn. Một nhóm nhà thiết kế Việt đã dành nhiều công sức nghiên cứu và hệ thống hóa lĩnh vực này; cuốn *Vietnamese Typography* của Donny Trương (đọc miễn phí trực tuyến) là một tài liệu hữu ích.

> **Góc Việt Nam: sưu tầm và số hóa chữ địa phương** là một cơ hội cho người làm thiết kế trẻ. Chụp lại biển hiệu của phố mình, vẽ lại chữ thành bộ chữ số, hoặc phân tích vì sao biển hiệu ấy "có hồn". Đây vừa là tư liệu thiết kế vừa là cách lưu giữ một phần ký ức đô thị đang thay đổi nhanh. Khi sưu tầm, hãy ghi rõ địa điểm, thời gian và xin phép chủ biển nếu định sử dụng thương mại.

Tóm tắt chương

- Chữ cũng là hình: có đường cơ sở, x-height, chiều cao chữ hoa, phần vươn và thò, chân chữ, nét và lòng chữ. So sánh font bằng x-height chứ không chỉ cỡ chữ.
- Chữ Việt có dấu chồng làm tăng khoảng dọc cần thiết; khoảng cách dòng cho tiếng Việt nên rộng hơn; hộp chữ không được cắt dấu; thống nhất một kiểu đặt dấu thanh.
- Sáu nhóm kiểu chữ: có chân, không chân, chân vát, viết tay, trang trí, đơn cách; chọn theo giọng nói của sản phẩm.
- Một họ chữ có nhiều độ đậm; font biến đổi chứa liên tục độ đậm trong một file.
- Luôn kiểm tra font bằng câu mẫu nhiều dấu; nhiều font quen có thể thiếu ký tự Việt; kiểm tra giấy phép.
- Tối đa hai họ chữ; tạo khác biệt bằng cỡ và độ đậm trước; dùng thang cỡ chữ (hệ số 1,25 hoặc 1,333) và hệ thống thứ bậc.

- Sắp chữ: cỡ nội dung từ khoảng 16 px trên web; khoảng cách dòng 1,4–1,6 lần; độ dài dòng 45–75 ký tự; kerning luôn bật; chữ hoa nới tracking nhẹ; căn trái dễ đọc nhất.
- Phụ đề: sans, tối đa hai dòng, nằm trong vùng an toàn, đủ thời gian đọc; chữ trên ảnh cần tương phản bằng lớp phủ, vùng trống, làm mờ hoặc khối nền.
- Chữ trong giao diện cần co giãn được (rem, sp, Dynamic Type; phóng to 200%); chữ chuyển động cần đủ thời gian đọc và gắn với nghĩa.
- Chữ Việt có lịch sử: chữ Hán, chữ Nôm, chữ Quốc ngữ; hãy xem chữ địa phương là chất liệu thiết kế.

Thực hành

Bài 8.1. Chữ nói cảm xúc

- **Mục đích:** thấy chữ tự nó mang cảm xúc, không cần hình minh họa.
- **Công cụ:** Figma.
- **Các bước:**
  1. Viết sáu từ: "nổ tung", "tan chảy", "thì thầm", "chật chội", "rơi", "lạnh".
  2. Với mỗi từ, chỉ dùng chọn font, cỡ, độ đậm, khoảng cách chữ và vị trí trong khung để thể hiện nghĩa. Không dùng hình minh họa.
  3. Xuất sáu khung cùng kích thước, cùng nền.
  4. Viết một câu giải thích lựa chọn dưới mỗi khung.
- **Sản phẩm:** sáu khung chữ kèm sáu câu giải thích.
- **Tự kiểm tra (có/không):**
  – Mỗi khung chỉ dùng chữ, không dùng hình?
  – Người xem đoán được nghĩa của từ chỉ từ cách đặt chữ?
  – Mỗi lựa chọn (font, cỡ, khoảng cách) có lý do?
  – Mọi dấu tiếng Việt hiển thị đúng?

Bài 8.2. Kiểm tra font tiếng Việt

- **Mục đích:** biết trước font nào đủ và đẹp cho tiếng Việt.
- **Công cụ:** Figma hoặc phần mềm soạn thảo; Google Fonts (lọc bộ ký tự Vietnamese).
- **Các bước:**
  1. Chọn 5 font, trong đó ít nhất 2 font bạn hay dùng và 2 font từ Google Fonts.
  2. Gõ câu mẫu "Người ở đừng về, ứ hự ỷ ễ ặ" và dòng chữ hoa "ẤN TƯỢNG, ỔN ĐỊNH, ỨNG DỤNG".
  3. Chấm điểm mỗi font từ 1 đến 5 cho ba tiêu chí: đủ ký tự, dấu đúng vị trí, khoảng cách dòng chịu được (thử 1,4 và 1,6).
  4. Chụp phóng to các chỗ dấu đẹp hoặc lỗi.
- **Sản phẩm:** một bảng chấm điểm và ảnh phóng to minh họa.

- **Tự kiểm tra (có/không):**
  - Có ít nhất một font bị loại, kèm lý do cụ thể?
  - Điểm gắn với quan sát, không chỉ cảm giác?
  - Bạn nêu được giấy phép của font được chọn?

Bài 8.3. Hệ thống chữ cho một ứng dụng

- **Mục đích:** xây thang cỡ và thứ bậc chữ nhất quán.
- **Công cụ:** Figma.
- **Các bước:**
  1. Chọn một ứng dụng giả định (ví dụ ứng dụng đặt món).
  2. Chọn một họ chữ và thang cỡ chữ (hệ số 1,25 hoặc 1,333, cỡ gốc 16 px).
  3. Tạo kiểu chữ cho H1, H2, H3, nội dung, chú thích, nút; ghi cỡ, độ đậm, khoảng cách dòng.
  4. Áp vào hai màn hình (ví dụ danh sách và chi tiết), rồi phóng chữ lên 200% để kiểm tra không vỡ.
- **Sản phẩm:** bảng kiểu chữ và hai màn hình mẫu.
- **Tự kiểm tra (có/không):**
  - Các cỡ đúng theo thang, không có cỡ "lạ"?
  - Có tối đa hai họ chữ?
  - Chữ tiếng Việt không bị cắt dấu ở hộp văn bản và nút?
  - Ở 200%, không có chữ chồng chéo hoặc mất nội dung?

Bài 8.4. Tiêu đề phim

- **Mục đích:** thiết kế chữ có giọng điệu cho phim.
- **Công cụ:** Figma hoặc phần mềm dựng hình; tham khảo Art of the Title.
- **Các bước:**
  1. Chọn một phim ngắn giả định và viết hai câu mô tả giọng điệu của nó.
  2. Thiết kế khung tiêu đề 16:9 với phương án nền sáng và phương án nền tối.
  3. Với một trong hai khung, thử thêm ảnh nền và xử lý chữ bằng một trong bốn cách ở mục 8.5.2 (kể cả chọn vùng trống).
  4. Viết ngắn vì sao chữ này "nói đúng giọng" của phim.
- **Sản phẩm:** hai khung tiêu đề 16:9 (sáng, tối) và đoạn giải thích.
- **Tự kiểm tra (có/không):**
  - Chữ nói được giọng điệu bạn đã mô tả?
  - Chữ đọc rõ ở cả hai phương án?
  - Dấu tiếng Việt đúng vị trí và không bị cắt?
  - Tiêu đề nằm trong vùng an toàn?

Bài 8.5. Phụ đề cho 30 giây phim

- **Mục đích:** luyện viết và dàn phụ đề đúng chuẩn.

- **Công cụ:** phần mềm dựng phim hoặc trình soạn phụ đề miễn phí.
- **Các bước:**
  1. Chọn đoạn phim hoặc video 30 giây có lời thoại tiếng Việt (tự quay hoặc tư liệu được phép dùng).
  2. Gõ phụ đề, mỗi phụ đề tối đa hai dòng và khoảng 37–42 ký tự mỗi dòng.
  3. Đặt thời gian hiện và tắt; kiểm tra tốc độ đọc.
  4. Xuất video, kiểm tra trên điện thoại.
- **Sản phẩm:** video 30 giây có phụ đề.
- **Tự kiểm tra (có/không):**
  – Mỗi phụ đề không quá hai dòng?
  – Chữ nằm trong vùng an toàn trên điện thoại?
  – Người xem đọc kịp mà không phải tua lại?

Bài 8.6. Sưu tầm chữ địa phương

- **Mục đích:** học bản sắc từ chữ quanh mình.
- **Công cụ:** điện thoại; phần mềm vẽ.
- **Các bước:**
  1. Chụp 10 biển hiệu hoặc chữ viết tay quanh nơi bạn sống.
  2. Chọn 3 mẫu; vẽ lại 6 chữ cái nổi bật của mỗi mẫu.
  3. Ghi lại: đặc điểm nét, cách đặt dấu, cảm giác chung.
  4. Đề xuất cách dùng một mẫu cho một sản phẩm mới.
- **Sản phẩm:** 10 ảnh, ba mẫu chữ vẽ lại và đề xuất áp dụng.
- **Tự kiểm tra (có/không):**
  – Ảnh do bạn tự chụp, có ghi địa điểm?
  – Chữ vẽ lại giữ đúng đặc điểm?
  – Bạn nêu được vì sao mẫu chữ này "có hồn"?

Câu hỏi ôn tập

1. Vì sao khoảng cách dòng cho tiếng Việt cần rộng hơn?
2. Phân biệt tracking và kerning.
3. Nêu 3 yêu cầu của phụ đề trên video.
4. Giải thích x-height và vì sao hai font cùng cỡ có thể trông khác kích thước.
5. Vì sao nên tối đa hai họ chữ trong một sản phẩm? Nêu hai cách phối an toàn.
6. Tính các cỡ chữ của thang hệ số 1,25 từ cỡ gốc 16 px (năm bước).
7. Nêu bốn cách bảo đảm tương phản khi đặt chữ trên ảnh nền.
8. Vì sao nên kiểm tra font bằng câu mẫu nhiều dấu trước khi dùng?
9. Căn đều hai bên có thể gây vấn đề gì trong cột hẹp?
10. Kể tên ba mốc quan trọng trong lịch sử chữ Quốc ngữ.

Thuật ngữ cần nhớ

Bảng 8.4. Thuật ngữ chính của chương 8

Tiếng Việt	Tiếng Anh	Nghĩa ngắn
đường cơ sở	baseline	Đường các chữ đứng lên
chiều cao chữ thường	x-height	Chiều cao các chữ thường không vươn
chiều cao chữ hoa	cap height	Chiều cao chữ in hoa
phần vươn lên, phần thò xuống	ascender, descender	Phần chữ vượt lên hoặc chui xuống
chân chữ	serif	Nét nhỏ ở đầu nét chính
lòng chữ	counter	Phần trống trong chữ
họ chữ	font family	Bộ font cùng thiết kế
độ đậm	weight	Độ dày của nét chữ
font biến đổi	variable font	Một file chứa dải độ đậm liên tục
thang cỡ chữ	type scale	Các cỡ chữ sinh từ một hệ số
khoảng cách dòng	leading, line-height	Khoảng giữa đường cơ sở hai dòng
độ dài dòng	measure	Số ký tự trên một dòng
khoảng cách chữ	tracking	Khoảng cách đều giữa mọi chữ
chỉnh cặp chữ	kerning	Khoảng cách riêng của một cặp chữ
dòng sông trắng	river	Khoảng trắng nối dài giữa các dòng
phụ đề	subtitle, caption	Chữ hiện theo lời thoại
chữ chuyển động	kinetic typography	Chữ thay đổi theo thời gian
chữ Nôm, chữ Quốc ngữ	Chữ Nôm, Quốc ngữ	Chữ viết của tiếng Việt qua các thời kỳ

Đọc thêm

- Ellen Lupton, *Thinking with Type: A Critical Guide for Designers, Writers, Editors, and Students* (Princeton Architectural Press, bản 3 sửa đổi và mở rộng, 2024).
- Robert Bringhurst, *The Elements of Typographic Style* (Hartley & Marks).
- Matthew Butterick, *Practical Typography* (sách trực tuyến miễn phí, practicaltypography.com).

- Donny Trương, *Vietnamese Typography* (đọc miễn phí tại vietnamesetypography.com).
- Google Fonts Knowledge, các bài học miễn phí về typography (fonts.google.com/knowledge).
- Art of the Title (artofthetitle.com), kho phân tích tiêu đề phim.
- W3C, *Web Content Accessibility Guidelines (WCAG) 2.2*, các mục 1.4.4 (Resize Text), 1.4.8 (Visual Presentation) và 1.4.12 (Text Spacing).